

Số: 02 /2012/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 16 tháng 01 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân trên địa bàn tỉnh, ban hành kèm theo Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 25/8/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh

ĐÍNH VÁN ĐẾN SỐ 84
Ngày 18 tháng 01 năm 2012

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03/6/2008;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 44/TTr-STP ngày 12/12/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trên địa bàn tỉnh, ban hành kèm theo Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 25/8/2009 của UBND tỉnh như sau:

1. Khoản 1 Điều 3 được bổ sung như sau:

"1. Văn bản QPPL của HĐND, UBND là văn bản do HĐND ban hành bằng hình thức nghị quyết, UBND ban hành bằng hình thức quyết định, chỉ thị (sau đây gọi tắt là văn bản); theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND, Nghị định số 91/2006/NĐ-CP và Quy định này; nội dung có đủ các yếu tố theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND và tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 91/2006/NĐ-CP.

Văn bản QPPL có quy định về thủ tục hành chính (TTHC) là văn bản QPPL do

UBND tỉnh ban hành bằng hình thức quyết định theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND, Nghị định số 91/2006/NĐ-CP, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Quy định này; nội dung có đủ các yếu tố cấu thành văn bản QPPL và có chứa các quy định về trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức”.

2. Khoản 2 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi của văn bản; không làm cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 3 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2008. Đối với dự thảo văn bản có quy định về TTHC còn phải đảm bảo các nguyên tắc theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP”;

3. Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Soạn thảo văn bản.

Đánh giá tác động của TTHC đối với dự thảo văn bản có quy định về TTHC”.

4. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 7. Lập, thông qua Chương trình xây dựng văn bản của HĐND tỉnh

1. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì tổng hợp các đề nghị xây dựng văn bản QPPL của các sở, ngành và lập dự kiến Chương trình xây dựng văn bản hàng năm của HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 91/2006/NĐ-CP gửi Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính để lấy ý kiến góp ý.

2. Nội dung góp ý vào dự kiến Chương trình bao gồm: Cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành, thẩm quyền ban hành, cơ quan soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo, thời gian ban hành, nguồn lực tài chính, nhân lực thi hành văn bản và các vấn đề khác có liên quan”.

5. Bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:

“3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, thống nhất nội dung đề nghị điều chỉnh với Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh”.

6. Bổ sung khoản 7 Điều 12 như sau:

“7. Trường hợp sau khi tổ chức lấy ý kiến, dự thảo văn bản phát sinh nội dung mới liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức hữu quan thì cơ quan soạn thảo có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến đối với những vấn đề mới phát sinh hoặc tổ chức lấy ý kiến lại đối với toàn bộ nội dung dự thảo”.

7. Điều 26 được sửa đổi như sau:

“Điều 26. Lập, thông qua Chương trình xây dựng văn bản của UBND tỉnh

Việc lập, thông qua Chương trình xây dựng văn bản QPPL của UBND tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này”.

8. Khoản 3 Điều 27 được sửa đổi như sau:

“3. Căn cứ vào đề nghị điều chỉnh Chương trình xây dựng văn bản và yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương, Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, thống nhất nội dung đề nghị điều chỉnh với Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh”.

9. Điểm b Khoản 2 Điều 28 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Tổng kết việc thực hiện Chương trình xây dựng văn bản và báo cáo tình hình ban hành văn bản của UBND tỉnh định kỳ 6 tháng và hàng năm”.

10. Khoản 1 Điều 29 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Cơ quan soạn thảo văn bản phải tổ chức việc soạn thảo theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 91/2006/NĐ-CP.

Đối với dự thảo văn bản có quy định về TTHC, cơ quan soạn thảo phải tổ chức đánh giá tác động của quy định về TTHC theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP”.

11. Điều 30 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 30. Lấy ý kiến dự thảo văn bản của UBND tỉnh

1. Việc tổ chức lấy ý kiến dự thảo văn bản của UBND tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy định này.

2. Đối với dự thảo văn bản có quy định về TTHC, ngoài việc tổ chức lấy ý kiến theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan soạn thảo còn phải tổ chức lấy ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh. Hồ sơ gửi lấy ý kiến bao gồm:

a) Văn bản đề nghị góp ý kiến, trong đó nêu rõ vấn đề cần xin ý kiến đối với quy định về TTHC, xác định rõ các tiêu chí đã đạt được của TTHC nêu tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP;

b) Dự thảo văn bản có quy định về TTHC;

c) Bản đánh giá tác động theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức hữu quan và đối tượng chịu sự tác động của quy định về TTHC. Chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi lấy ý kiến, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến và gửi văn bản tham gia ý kiến cho cơ quan soạn thảo.

4. Cơ quan soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến góp ý của Văn

phòng UBND tỉnh. Trường hợp không tiếp thu ý kiến góp ý, cơ quan soạn thảo phải giải trình cụ thể.

Việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với quy định về TTHC trong dự thảo văn bản phải được thể hiện thành một phần riêng trong văn bản tiếp thu, giải trình. Văn bản tiếp thu, giải trình phải được gửi đến Văn phòng UBND tỉnh”.

12. Bổ sung khoản 3 Điều 31 như sau:

“3. Đối với dự thảo văn bản có quy định về TTHC, ngoài thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan đề nghị thẩm định phải gửi thêm bản đánh giá tác động về TTHC theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và báo cáo giải trình về việc tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, trong đó có ý kiến góp ý của Văn phòng UBND tỉnh.

Sở Tư pháp không tiếp nhận hồ sơ gửi thẩm định nếu dự thảo văn bản có quy định về TTHC chưa có bản đánh giá tác động về TTHC và ý kiến góp ý của Văn phòng UBND tỉnh”.

13. Khoản 2 Điều 32 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Phạm vi thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND.

Đối với dự thảo văn bản có quy định về TTHC, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định và bổ sung trong Báo cáo thẩm định phân kết quả thẩm định về TTHC quy định trong dự thảo văn bản theo quy định về trách nhiệm thẩm định của pháp luật về ban hành văn bản QPPL.

Trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp có thể đề nghị Văn phòng UBND tỉnh tham gia thẩm định nội dung TTHC quy định trong dự thảo văn bản.

Nội dung thẩm định quy định về TTHC tập trung xem xét các vấn đề được quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP”.

14. Điều 33 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 33. Trình hồ sơ dự thảo văn bản đề UBND tỉnh xem xét, ban hành

1. Hồ sơ dự thảo văn bản và việc trình hồ sơ dự thảo văn bản đề UBND tỉnh xem xét, ban hành được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Quy định này.

2. Đối với dự thảo văn bản có quy định về TTHC, ngoài thành phần hồ sơ như quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy định này, cơ quan trình dự thảo văn bản phải bổ sung thêm:

- a) Bản đánh giá tác động của quy định về TTHC;
- b) Văn bản góp ý về TTHC của Văn phòng UBND tỉnh;
- c) Văn bản tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo về ý kiến góp ý của Văn

phòng UBND tỉnh đối với dự thảo văn bản có quy định về TTHC”.

15. Bổ sung Chương IV như sau:

**“Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 44. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, cấp xã

1. Phối hợp với cơ quan tư pháp cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện các quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND và Quy định này.
2. Thực hiện nghiêm túc việc đăng Báo, Công báo tỉnh, niêm yết, đưa tin, gửi văn bản QPPL đến cơ quan có thẩm quyền kiểm tra theo đúng quy định pháp luật. Thường xuyên tiến hành việc kiểm tra, theo dõi tiến độ thực hiện và chất lượng ban hành văn bản; định kỳ báo cáo HĐND, UBND cùng cấp.

Điều 45. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch

1. Có trách nhiệm giúp UBND cùng cấp trong việc thẩm định dự thảo văn bản QPPL theo quy định; tham gia góp ý kiến đối với dự thảo văn bản QPPL do HĐND, UBND cùng cấp ban hành.
2. Thường xuyên thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và thực hiện chức năng kiểm tra và xử lý văn bản QPPL trái pháp luật theo thẩm quyền.
3. Hằng năm, Sở Tư pháp có trách nhiệm rà soát, đánh giá và báo cáo UBND tỉnh về tình hình ban hành văn bản QPPL của tỉnh.

Điều 46. Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo văn bản

1. Có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tư pháp cùng cấp và các cơ quan có liên quan trong việc tổ chức soạn thảo văn bản; thực hiện nghiêm túc và đầy đủ quy trình ban hành văn bản QPPL. Định kỳ hàng năm tiến hành rà soát, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh hoặc Văn phòng HĐND và UBND cùng cấp dự kiến Chương trình, Kế hoạch ban hành văn bản QPPL liên quan đến ngành, lĩnh vực của mình để báo cáo UBND xem xét, quyết định.
2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức pháp chế, công chức pháp chế chuyên trách tham gia thực hiện công tác xây dựng văn bản QPPL theo quy định; đồng thời bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia công tác xây dựng văn bản QPPL của tỉnh.
3. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các sở, ngành trong việc dự trù kinh phí đảm bảo hoạt động xây dựng, ban hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật”.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung của Quyết định này, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;

HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố; HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và định kỳ báo cáo với UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Báo Đắk Lắk; Đài PTTH tỉnh;
Website tỉnh;
- Như Điều 2, Điều 3;
- VPUBND tỉnh: LĐVP;
Các P&TT;
- Lưu: VT-NCm110.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lữ Ngọc Cư